

Name:

Grammar:

Class: S4...

Listening:

Tel: 034 200 9294

Mini Test:



Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày...../.....

GLOBAL ENGLISH 4

Unit 5: Adventures - Grammar Revision & KET Listening

A. EXTRA VOCABULARY

| No. | New words | Meaning | No. | New words | Meaning |
|-----|------------------------------|------------|-----|---------------------------|--|
| 1 | client (n) | khách hàng | 5 | scone (n) | một loại bánh nướng nhỏ, phổ biến ở Anh Quốc |
| 2 | document (n) | tài liệu | 6 | break down (phr.v) | hỏng (máy móc), sụp đổ (cảm xúc) |
| 3 | feed (v) → fed | cho ăn | 7 | certainly (adv) | chắc chắn, dĩ nhiên |
| 4 | bowl (n) | cái bát | 8 | match (v) | phù hợp |

❖ **Note:** *n* = noun: danh từ; *v* = verb: động từ; *phr. v* = phrasal verb: cụm động từ; *adv* = adverb: trạng từ.❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

B. HOMEWORK.

I. Complete the table using the given words.

| | | | |
|-----------------|-------|-------|-------|
| read | speak | study | write |
| want | play | like | sing |

| Regular verbs | | Irregular verbs | |
|----------------|-----------------|-----------------|---------|
| Present | Past | Present | Past |
| 0. <u>want</u> | → <u>wanted</u> | 4. _____ | → _____ |
| 1. _____ | → _____ | 5. _____ | → _____ |
| 2. _____ | → _____ | 6. _____ | → _____ |
| 3. _____ | → _____ | 7. _____ | → _____ |

II. Choose the correct answer.

0. We _____ to the city museum three days ago.

A. can go

(B.) went

C. are going

1. Victor _____ some bad news from Ted yesterday and _____ sad.

A. heard/became

B. hears/becomes

C. heard/is becoming

2. _____ she _____ your books back last week?

A. Does/bring

B. Can/bring

C. Did/bring

3. I _____ my house last week, but it _____ dirty again now.
A. clean/is B. cleaned/is C. am cleaning/is
4. A: "When _____ your clients sign the document?"
B: "Four days ago."
A. did B. was C. are
5. Thomas _____ in the lake yesterday and his mom _____ it.
A. jumped/didn't like B. jump/likes C. jumped/liked



Part 2

– 5 questions –

Listen and write. There is one example.



Cooking Lesson

Don't forget: a big bowl

1 Bring: some, eggs
and butter

2 Name of cakes:

3 Number of cakes:

4 Cooking time:

5 Eat them with:

Con làm bài nghe theo link sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/succeed-in-a2-key-test-1-part-4>

Part 4: Questions 16-20

For each question, choose the correct answer.

Questions:

16. You will hear a woman talking to her friend about her new car. Why did she sell her last car?

- A. It was slow.
- B. It couldn't be fixed.
- C. She had it for 14 years.

17. You will hear two friends talking about the man's future plans. What is the man going to do?

- A. Learn Spanish.
- B. Do sports.
- C. Get a job.

18. You will hear a couple talking about a video. What's the video of?

- A. A birthday party.
- B. A summer holiday.
- C. A swimming competition.

19. You will hear a woman calling a friend. What's her problem?

- A. She didn't call Harry.
- B. She got stuck in traffic.
- C. She got lost.

20. You will hear a woman talking to her friend about a present. What did she get?

- A. Dresses.
- B. Shoes.
- C. Glasses.